

Tứ Diệu Đế:

Khổ Đế và Tập Đế

Nguyên tác Tạng ngữ từ trong Giáo trình Phật Pháp “Lectures on Tibetan Religious Culture” của Geshe Lhundup Sopa, do Viện Văn Khố Tây Tạng LTWA (Library of Tibetan Works and Archives) phát hành.

Người dịch: Ngawang Tsultrim Zangpo (Ngữ Lục Giới Hiền)

Bài 15: Con đường thực hành của hàng trung sĩ – Tứ Diệu Đế

Hỏi: Thực hành chính yếu khi ở tại trung sĩ phu thì có những gì?

Đáp: Nói về trung sĩ phu thì, hàng người theo đuổi mục đích chính yếu là giải thoát để thoát ra khỏi từ hết thấy đau khổ của vòng luân hồi chứ không phải chỉ là đau khổ của ác đạo. Cho nên, nhận thấy khuyết điểm của vòng luân hồi đối với việc sinh khởi một ý nghĩ mạnh mẽ để truy cầu giải thoát mà thoát ra khỏi từ vòng luân hồi, cho nên nếu không sinh khởi lên từ tận đáy lòng một nỗi sầu bi cùng cực mà là sầu bi đối với vòng luân hồi thì ý nghĩ mạnh mẽ mong muốn thoát ra từ [vòng luân hồi] đó sẽ không đến được. Ví như một tù nhân nếu không cảm nhận một nỗi buồn khổ đối với việc sống trong nhà tù mà lại có một suy nghĩ vui vẻ và thoải mái thì việc mong muốn thoát ra từ [nhà tù] đó sẽ không đến, và nếu không có như vậy thì sẽ không thực hiện phương pháp giải thoát, tương tự như thế. Vì vậy cho nên, đối với sự tu tập là phương pháp giải thoát ra từ vòng luân hồi đó, Đấng Thế Tôn đã thuyết gồm có bốn điều: Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế, Đạo Đế. Những bốn điều đó cũng là bao gồm: hai điều căn cứ vào nhân quả của việc lưu chuyển trong luân hồi (Khổ, Tập), và hai điều căn cứ vào nhân quả của việc giải thoát ra từ luân hồi (Diệt, Đạo). Nếu nói như vậy thì là gì, ‘nhân’ làm cho lưu chuyển trong vòng luân hồi thì được gọi là “Tập Đế”, ví dụ chẳng hạn như ‘nhân’ làm cho xoay chuyển trong vòng luân hồi là nghiệp thiện và bất thiện, phiền não và tam độc làm động cơ thúc đẩy cho những cái nghiệp đó v.v... Căn cứ vào ‘quả’ của việc xoay chuyển trong vòng luân hồi thì được gọi là “Khổ Đế”, ví dụ như sức mạnh của nghiệp và phiền não làm cho nhận lấy tái sinh với những huân tập (các uẩn) đau khổ này chẳng hạn. Tương tự thế, ‘nhân’ của việc cứu thoát từ vòng luân hồi thì gọi là “Đạo Đế”, đoạn trừ tận gốc rễ chấp ngã là trí tuệ liễu ngộ trực tiếp vô ngã v.v... những điều đó là con đường của Dòng Thánh Giả được gồm thâu bởi ‘Tam học’ v.v... Nói về ‘Tam học’ đó là bao gồm Giới [học], Định [học] và Huệ học.

‘Quả’ của việc cứu thoát từ vòng luân hồi được gọi là “Diệt Đế”, oai lực của Đạo Đế làm sạch sẽ tận gốc rễ nhân của vòng luân hồi là nghiệp và phiền não rồi giải thoát để thoát ra khỏi đau khổ và gồm cả nhân [của khổ] chẳng hạn. Bởi thế cho nên, khi ở tại trung sĩ phu cần phải thực hành thủ xả (tiếp thu và loại bỏ) bằng cách hiểu biết thật tốt chân lý của Tứ Đế, đó là thực hành chính yếu. Nếu

thực hành trình tự cách thức phát sinh những ý nghĩa chân thật của Tứ Diệu Đế đó thì bao gồm các bước phát sinh như sau: trước nhất ‘nhân’ đó là Tập Đế, và sau đó ‘quả’ là Khổ Đế, phương pháp thực hành đoạn trừ đau khổ và gồm cả nhân [của khổ] là Đạo Đế, nương tựa vào đó là Diệt Đế để cứu thoát ra từ đau khổ và gồm cả nhân [của khổ]. Tuy nhiên, khi Đấng Thế Tôn tuyên thuyết Pháp Luân Tứ Đế thì trước tiên đã thuyết về đau khổ là quả, sau đó đã thuyết nguồn gốc (Tập) là nhân của đau khổ, từ đó đã thuyết Diệt Đế là quả của việc cứu thoát từ vòng luân hồi, cuối cùng đã thuyết Đạo Đế là phương pháp thực hành cứu thoát từ vòng luân hồi. Sự tuyên thuyết như thế là đã tuyên thuyết phù hợp với trình tự của cách phát khởi tư duy mong muốn thực hành thủ xả bằng cách hiểu biết chân lý của Tứ Diệu Đế đó. Như thế nào lại nói như vậy, cũng giống như từng bước đi vào phương pháp thực hiện cứu thoát từ chứng bệnh của một bệnh nhân. Nếu bản thân chúng ta bị dày vò bởi chứng bệnh đau, thì đau khổ của căn bệnh và khuyết điểm của nó trước tiên nhận định chúng, khi nhận thấy khuyết điểm của căn bệnh thì sinh khởi ý nghĩ thực hành nghiên cứu đối với nguyên nhân của nó là gì, có tạo ra nhân hay không? Khi đã tiến hành nghiên cứu rồi khẳng định nguyên nhân của căn bệnh đó thì phát sinh ý nghĩ mong muốn đạt được an lạc của sự chữa khỏi từ chứng bệnh và gồm cả nhân [của bệnh]. Khi đã sinh khởi như thế thì ý nghĩ mong muốn dùng thuốc là phương pháp thực hành chữa khỏi từ chứng bệnh, từng bước được sinh khởi. Giống như hàng người theo đuổi mục đích giải thoát, những người đó trước hết cũng cần phải hiểu biết về Khổ Đế bằng cách tư duy thật tốt về tội nghiệt (quả báo) của đau khổ từ vòng luân hồi. Sau khi hiểu biết như thế thì tư duy về đau khổ đó xuất hiện từ những cái nào, nhân của nó là gì, rồi thực hành truy cứu (tìm tòi) Tập Đế là nhân. Khi truy cứu nguồn gốc là nhân đó, thì phát sinh ý nghĩ mong muốn đạt được Diệt Đế để xa lìa đau khổ và gồm cả nhân [của khổ]. Khi khởi lên như vậy thì phát sinh ý nghĩ mong muốn tu tập Đạo Đế là phương pháp giải thoát từ đau khổ, đó là bao gồm các trình tự sinh khởi.

Cho nên, trước hết cần phải tư duy về thực trạng của đau khổ trong vòng luân hồi rồi phải hiểu biết tội nghiệt của nó. Vì vậy cho nên, nếu hỏi rằng “cách tư duy về đau khổ của vòng luân hồi nó có những gì?” thì có hai cách: tư duy về đau khổ chung và tư duy về đau khổ riêng của vòng luân hồi, đã được giảng dạy tường tận từ Đạo Thứ Đệ quảng lược v.v... Nếu nói một vài tóm lược từ trong những điều đó thì, cũng vậy trước tiên đối với đau khổ chung của vòng luân hồi bao gồm: cách tư duy về bát khổ ⁽¹⁾ như là vô định khổ v.v..., cách tư duy về lục [khổ] ⁽²⁾, cách tư duy về tam [khổ] ⁽³⁾ đã được giảng dạy. Tuy nhiên, nếu chỉ nói đôi điều từ trong đó thì chẳng hạn như ‘vô định khổ’ thì, kể từ khi nhận lấy sự sinh ra trong vòng luân hồi này thì người thân và kẻ thù, an lạc và đau khổ v.v... đảo ngược và biến đổi lẫn nhau mà không có được sự tin cậy và khẳng định làm cho lắm đau khổ. Cũng vậy, tự chúng ta đã thấy và đang thấy trong câu chuyện lịch sử cũng như trong cuộc đời này, kẻ thù trọng yếu của mình chuyển thành người thân và người thân trọng yếu cũng hóa thành kẻ thù v.v... Nếu căn cứ vào cuộc đời của người khác thì chẳng hạn như, xưa kia ở phía sau của một gia đình có cái ao, và người cha của [gia đình] đó đã thường xuyên giết cá từ trong ao đó để ăn. Người cha chết đi rồi sau đó sinh làm con cá trong cái ao ở phía sau căn nhà đó do bởi năng lực bám luyến vào cá khi trước, người mẹ đó do bởi năng lực bám luyến vào gia đình nên khi chết rồi sinh làm con chó của gia đình đó, kẻ thù

trọng yếu của gia đình đó luyện thương người con dâu trong gia đình nên sau khi chết sinh làm đứa con của người con dâu đó. Khi điều đó đã xảy ra, một ngày chồng của người vợ trong gia đình, hắn đã giết cha của chính hắn đã sinh làm con cá trong cái ao ở phía sau căn nhà, rồi ăn thịt cá. Sự sinh ra của mẹ hắn là con chó khi nó đang cố gắng ăn xương cá thì con chó đó đã bị đánh. Và kẻ thù của họ sinh ra là đứa trẻ đang mang trên vạt áo nên đã nâng niu trau mến bởi không gì lường được. Khi đó Bạc Thanh Văn của Đức Thế Tôn được gọi là Xá Lợi Phất (Sariputra), Ngài đã dùng thần thông trí tuệ thấy biết nên đã thuyết như vậy:

“Ăn thịt cha và đánh đập mẹ,
Mang trên vạt áo kẻ thù đã giết,
Người vợ thì gặm xương của chồng,
Ngẩng lên mà cười pháp của luân hồi”

Như thế đó, tương tự như thân thù vô định, địa vị cao thấp cũng là vô định, địa vị cao vọt chẳng hạn như vua chúa nhưng cuộc đời về sau sẽ hóa thành người đầy tớ thấp hèn v.v... Và khổ lạc vô định, ví dụ như đất đai ruộng vườn, châu báu tài vật, tôi tớ vây quanh v.v... sung túc viên mãn mà người khác không thể sánh bằng chẳng hạn, nhưng cuộc đời về sau đã trở thành và vẫn đang trở thành kẻ ăn mày và hơn cả những kẻ ăn mày vô cùng khốn khổ chẳng hạn. Tương tự như thế, ‘vô yếm túc khổ’ (khổ do không thỏa mãn) thì, bản thân chúng ta có được một vài an lạc và hạnh phúc trong vòng luân hồi này nhưng không thể mãn nguyện và tri túc (biết đầy đủ) với điều đó, ví dụ như bất cứ cái gì đã lấy giữ được như ăn mặc, hưởng thụ, địa vị v.v... như thế đã không vừa lòng mà còn mong muốn nhiều hơn và hoàn hảo hơn v.v... so với những cái đó nên gian khổ với những mục đích đó, và không lấy được chúng thì có rất nhiều đau khổ. Trong lịch sử trước đây cũng là một đời xa xưa của Đức Thế Tôn, một vị vua được gọi là Ngã Nhũ (Mandhata) đã sinh ra, ông ta có được tài chính và quyền lực to lớn không gì đo lường được, rồi trước tiên thống trị Nam Thiệm Bộ Châu này, từ đó cũng lần lượt thống trị cả những châu lục khác rồi đã trở thành Chuyển Luân Vương người nắm quyền bốn châu thiên hạ. Như thế nhưng lòng tham không đầy mà tiến lên đỉnh núi Tu Di rồi đã đạt được quyền thế với phân nửa ngai vàng của Đế Thích Thiên Vương ở cung trời thứ ba mươi ba. Ngã Nhũ Luân Vương lòng tham vẫn còn chưa hết mà suy nghĩ cần phải lấy toàn bộ quyền lực của Đế Thích, rồi khi đang cố gắng lấy thì quả của nghiệp thiện ngày trước đã cạn hết nên rớt xuống đất mà không thể tự chủ. Tương tự như thế, trong thế kỷ 20 câu chuyện lịch sử của Hitler nước Đức vang danh khắp Thế Giới này, đó cũng là lỗi lầm của sự không thỏa mãn đã xảy ra chẳng hạn. Lại nữa, cũng có nhiều đau khổ sẽ đến như do thân thể xả bỏ và rồi thụ sinh cứ lập đi lập lại, và đau khổ do biến chuyển cao thấp cứ tái đi tái lại. Ví dụ như, mặc dù đôi khi đạt được thân thể hoàn hảo của trời và người, hưởng thụ những cái tài vật tiện nghi tốt nhất của vòng luân hồi như là cái ăn, cái mặc v.v... cùng với những nam thanh nữ tú trẻ đẹp và quyền rũ của trời và người trải qua những khoái lạc của vòng luân hồi như là cùng nhau vui chơi thỏa thích v.v... Tuy nhiên, thân thể này [hoàn hảo] giống như thế cũng đến lúc bất lực mà buộc phải xả bỏ, chết rồi ở trong ác đạo khi bị thiêu cháy thì thân thể và lửa trở nên không thể phân biệt chẳng hạn v.v... phải trải qua biết bao đau khổ của nóng và lạnh. Và khi nhận lấy thân thể của ngựa quỷ thì toàn bộ cuộc

đời sẽ chuyển hóa thành bản chất của đau khổ của đói và khát mà không tìm thấy được cái ăn cái mặc v.v... có biết bao đau khổ to lớn buộc phải trải nghiệm qua.

- (1) Đức Phật đã thuyết bát khổ khi chỉ dẫn những tội báo của vòng luân hồi. Bát khổ gồm: sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, thương yêu phải chia lìa nên khổ (ái biệt ly khổ), thù ghét phải gặp nhau nên khổ (oán tăng hội khổ), mong cầu nhưng không được nên khổ (cầu bất đắc khổ) và gồm thấu hết cả là đau khổ do năm uẩn nắm lấy (cận thủ ngũ uẩn khổ).
- (2) Lục khổ gồm: khổ do không khẳng định (vô định khổ), khổ do không thỏa mãn (vô yếm túc khổ), khổ do thân thể cứ phải xả bỏ (sô xả thân khổ), khổ do cứ phải nhập thai sinh ra (sô thụ sinh khổ), khổ do cứ mãi bị chuyển đổi giữa cao và thấp (sô sô cao đê biến dịch khổ), khổ do không có bạn bè (vô hữu bạn khổ).
- (3) Tam khổ gồm: nỗi khổ của đau khổ (khổ khổ), nỗi khổ của thay đổi (hoại khổ), đau khổ vận hành khắp mọi nơi (biến hành khổ).

Nguyên tác Tạng ngữ từ “Lesson 15”, trong Giáo trình Phật Pháp “Lectures on Tibetan Religious Culture” của Geshe Lhundup Sopa, do Viện Văn Khố Tây Tạng LTWA (Library of Tibetan Works and Archives) phát hành.

Người dịch: Ngawang Tsultrim Zangpo (Ngữ Lục Giới Hiền).

Bài 16: Khổ Đế - Đau khổ của nhân thiên trong thiện đạo

Đó (bài 15) chỉ là trình bày vắn tắt về đau khổ chung của vòng luân hồi, đói với sự tư duy về mỗi một đau khổ riêng thì đã xuất hiện xong một cách tóm lược khi ở tại hạ sĩ phu, là cách tư duy về đau khổ của ác đạo (bài 13). Khi ở tại trung sĩ phu này sẽ nói đến cách tư duy về đau khổ của chư thiên và con người ở thiện đạo. Thế thì, nếu tiêu biểu chẳng hạn như [cõi] người thì, mặc dù đã thoát ra từ ác đạo rồi nhận lấy sự sinh ra làm người, nhưng thân hình thể trạng con người này cũng hiện hữu bản chất của đau khổ. Sao lại nói như vậy, bởi vì trước hết là đau khổ của sinh, sau đó là đau khổ của già nua, đau khổ của bệnh tật và cuối cùng là đau khổ của cái chết. Sinh mạng sống này cũng vậy, có vô tận [đau khổ] sẽ xảy đến như: đau khổ do chia ly với người thân yêu mến, đau khổ do tiếp xúc với kẻ thù không ưa, đau khổ do tìm cầu vật chất mong muốn nhưng không tìm được, đau khổ do biết bao nỗi bất hạnh không mong muốn từ trên giáng xuống v.v...

Nếu chỉ nói một vài khía cạnh về những điều đó, như đau khổ của sinh (sinh khổ) thì, ví dụ khi trú ở trong bụng mẹ thì phải ở suốt trong sự nhọc nhằn to lớn khoảng chín gần như là mười tháng ở bên trong giống như là mùi hôi hám bất tịnh, chật chội ngột ngạt và tối tăm. Trong khoảng thời gian đó có nhiều đau khổ không thể chịu đựng nổi do bởi năng lực của người mẹ trong cách ăn uống và hành xử (đi đứng) v.v... thích đáng hoặc không. Ví dụ như khi người mẹ uống ít trà nóng thì sẽ xuất hiện đau khổ giống như thân thể chạm vào nước sôi, khi người mẹ khuân vác một gánh nặng to lớn thì sẽ xuất hiện cảm giác giống như bị đặt dưới quả núi lớn, khi người mẹ chạy và nhảy v.v... thì sẽ xuất hiện cảm giác như đang rơi xuống phía dưới từ vực sâu to lớn. Khi chui ra ngoài từ trong bụng mẹ thì bị bóp ép giữa hai xương chậu của người mẹ rồi những đau khổ không thể chịu đựng nổi giống như cận kề cái chết sẽ có đến. Đau khổ trong khoảng thời

gian này, nó làm cho đứa trẻ chết đi cũng có rất nhiều. Đôi khi cũng có nhiều bà mẹ cùng chết chung với chúng.

Đau khổ của già nua (lão khổ) thì, các căn như mắt v.v... và ý thức v.v... lần lượt bị giảm thiểu từ từ, thân thể càng nhong giống như cái cung, vế chói ngời đã suy tàn. Các nỗi nhọc nhằn cùng cực xuất hiện chẳng hạn như: khi đứng dậy phải chống cả bốn tay chân để dậy, khi ngồi xuống thân thể bị đổ xuống giống như bao đất bị đứt dây. Các đau khổ xuất hiện chẳng hạn dáng vẻ đã trở nên cực kỳ xấu tệ như đầu tóc bạc trắng và da nhăn rất nhiều v.v... và toàn bộ cuộc đời đã thay đổi. Vì vậy cho nên, giống như Đức Milarepa đã thuyết như vậy:

“Đứng dậy như nắm nhỏ cọc buộc [trâu] ⁽¹⁾ là điều thứ nhất,
Bước đi như rình rập một con chim là điều thứ hai,
Ngồi xuống như bao tải đất bị đứt là điều thứ ba,
Ba điều đó nếu đến thời gian hội tụ cả ba,
Bà lão là sự đau lòng bởi huyễn thân đã suy tàn”.

Và

“Vết nhăn bởi làn da bên ngoài co rút là một,
Xương lòi bởi máu thịt bên trong cạn kiệt là hai,
Ở giữa ngu và ngớ, đui và điếc, lay (lung lay) và lẫn là ba,
Ba điều đó nếu đến thời gian hội tụ cả ba,
Bà lão là sự chau mày bởi vẻ xấu xí xuất hiện.”

Đau khổ của bệnh tật thì dễ dàng biết được bởi bản thân chúng ta đã kinh nghiệm qua nên sẽ không nói riêng. Theo đó thì đau khổ của cái chết (tử khổ) cũng vậy, trước đây khi ở tại hạ sĩ phu phần ‘vô thường cái chết’ đã có nói qua vài khía cạnh rồi, cho nên ở đây không cần phải nói (bài 13). Về đau khổ của con người trong thiện đạo, chỉ có như thế đã được giảng giải thích hợp, tương tự như vậy chư thiên trong thiện đạo cũng có đau khổ. Chư thiên được tích chứa trong vòng luân hồi đó, có ba loại chư thiên trong Tam Giới bao gồm ‘Dục giới’, ‘Sắc giới’ và ‘Vô sắc giới’. Nói về ‘Phi thiên’ (Asura: A-tu-la) thì thuộc thành phần của ‘Dục thiên’ nói chung, tuy nhiên từ trong chư thiên [họ] có nhiều đau khổ hơn như lòng đố kỵ to lớn và tranh đấu v.v... làm cho [họ] xấu ác và thấp kém nhất trong phạm vi của chư thiên, cho nên thỉnh thoảng được tính đếm riêng lẻ so với chư thiên. Dù như thế nào thì Phi thiên và một vài Dục thiên ở phía dưới đấu tranh lẫn nhau làm cho có nhiều đau khổ như thân thể bị chặt chém và bị cắt đứt v.v... không chỉ vậy Dục thiên nói chung có nỗi đau khổ của tâm (tâm khổ) không thể gánh chịu nổi xảy đến lúc gần chết được gọi là “đau khổ của mạng chung đọa lạc” (mạng chung đọa khổ). Những chư thiên đó biết được ba điều bao gồm: giai đoạn sinh trong quá khứ đã sinh từ nơi nào, giai đoạn hiện tại đã sinh như thế nào, giai đoạn chết sinh trong tương lai sẽ sinh như thế nào, nên được gọi là “Tam Thế Giả” ⁽²⁾. Chư thiên mà xác định được cái chết từ sau bảy ngày ở thiên giới, họ sẽ bị cái gọi là “năm điềm báo chết” (ngũ tử triệu) tác động đến. Đó là ánh quang suy giảm (thân thất uy quang), không còn muốn ngồi trên ngai của mình (bất lạc bồn tọa), tràng hoa trên thân thể bị khô héo (hoa man khô nuy), xiêm y trở nên cẩu bần (y thường ố bại), và mồ hôi xuất hiện trên thân thể (thân xuất hãn cầu). Khi mà xuất hiện ‘năm điềm báo chết’ giống như thế thì đừng

nhắc tới bất kỳ chư thiên nào khác sẽ đến gần quanh, ngay cả chỉ đứng nhìn bằng mắt thôi nhưng người nhìn cũng trở nên khan hiếm và bản thân một mình phải ở nơi cô độc mà trải nghiệm qua nỗi đau khổ. Đã được sinh vào chư thiên với một [thời gian] lâu dài, đầu óc xoay vần với những hỷ lạc của chư thiên nên không tích lũy rộng lớn các nghiệp thiện mới, cho nên đã thụ dụng xong hết những quả của nghiệp thiện lúc trước nên hầu hết chư thiên sẽ đi đến tái sinh vào ác đạo. Vì vậy cho nên, ngay trước lúc chết cái nơi sẽ sinh ra ở đâu trong tam ác đạo và thân thể v.v... xấu ác, khi họ dùng thần thông biết được những điều đó thì nỗi đau khổ của tâm vô cùng to lớn không thể chịu đựng nổi sẽ xảy đến. Vì vậy cho nên, đã có thuyết rằng nỗi khổ của thân (thân khổ) ở địa ngục là to lớn, nhưng mà nỗi khổ của tâm (tâm khổ) ở Dục thiên khi ‘mạng chung đọa lạc’ thì to lớn hơn. Tương tự như thế, chư thiên ở Sắc giới và Vô sắc giới, đối với họ cũng thế, mặc dù ở đời này không có cảm nhận nỗi đau khổ của thân và tâm nhưng sự sinh ra của bản thân họ, nó được xuất hiện bởi năng lực của nghiệp và phiền não, và có một sự lệ thuộc vào nghiệp và phiền não mà không đạt được sự tự chủ như là: phải chết mà không thể tự chủ, sau cái chết sẽ sinh ra như thế nào v.v... cho nên hiện hữu bản chất của đau khổ vận hành khắp nơi (biến hành khổ). Vì vậy cho nên, trước tiên cần phải hiểu biết thật tốt về bản chất và tội nghiệt v.v... của đau khổ, bằng cách tư duy về kể từ khi nhận lấy sự sinh ra trong vòng luân hồi ở nơi Tam giới này, không có cách thoát ly khỏi bất kỳ loại nào trong ba loại đau khổ.

- (1) Một loại cọc thường làm bằng gỗ, đóng sâu xuống đất dùng để buộc trâu yak hoặc gia súc vào đó
- (2) Biệt danh của chư thiên, gọi những chúng sanh trong thiên giới, chỉ có ở ba kỳ sinh, trụ, diệt hoặc liễu tri được ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Cũng vậy, biệt danh của Đệ Thích Thiên Vương cũng được gọi là ‘Tam Thời Chủ’.

Nguyên tác Tạng ngữ từ “Lesson 16”, trong Giáo trình Phật Pháp “Lectures on Tibetan Religious Culture” của Geshe Lhundup Sopa, do Viện Văn Khố Tây Tạng LTWA (Library of Tibetan Works and Archives) phát hành.

Người dịch: Ngawang Tsultrim Zangpo (Ngữ Lục Giới Hiền).

Bài 17: Tập Đế - Cội nguôi của nghiệp và phiền não

Hỏi: Điều được gọi là “Tập Đế” đó thì như thế nào?

Đáp: Nói về Tập Đế thì có hai nghiệp và phiền não bao gồm: nhân làm cho luân chuyển trong vòng luân hồi là nghiệp, và nhân của nghiệp đó là phiền não. Vì vậy cho nên, đối với cái gọi là “phiền não” đó, nói chung thì có tham dục v.v... được gọi là “Lục căn bản phiền não” và “Nhị thập tùy phiền não” v.v... Từ trong những điều đó nếu chỉ nói đại khái về ‘Lục căn bản phiền não’ thì gồm có ‘tham dục’, ‘sân hận’, ‘ngã mạn’, ‘vô minh’, ‘phiền não kiến’ và ‘nghi hoặc’. Nói về ‘tham dục’ thì, phi lý tác ý làm cho hư cấu lên một dáng vẻ khả ái với đối tượng của mình nên mong muốn đạt được đối tượng bám luyến đó, hoặc là một sự bám luyến mà mong muốn không chia lìa. Nói về “Phi lý tác ý” (bài trí tư tưởng sai lầm) thì, chẳng hạn như với bất tịnh thì chấp giữ là tịnh, với đau khổ thì chấp giữ là an lạc, với vô thường thì chấp giữ là thường hằng, với vô ngã thì chấp giữ là có ngã. Nói về ‘sân hận’ thì, phi lý tác ý làm cho hư cấu lên một dáng vẻ không vừa ý với đối tượng của mình nên tâm ý hiện hữu một dáng vẻ phẫn nộ.

‘Ngã mạn’ thì, phi lý tác ý làm cho tâm chấp giữ với đối tượng của mình cao hơn thì xem như ngang hàng, với ngang hàng thì xem như cao hơn, với thấp hơn thì xem như cực kỳ [thấp] hơn nữa v.v... hiện hữu một dáng vẻ cao ngất hoặc kiêu căng. ‘Vô minh’ thì, là nói về hai: mê muội nên không hiểu biết về nghiệp, nhân, quả v.v... và mê muội đối với chân thật tánh của vô ngã chẳng hạn như chấp giữ một cái nhân có ngã. Và ‘phiền não kiến’ bao gồm có năm là: ‘hoại tụ kiến’, ‘biên kiến’, ‘tà kiến’, ‘kiến thủ kiến’ và ‘giới cấm thủ kiến’.

Từ trong những điều đó ‘hoại tụ kiến’ thì, khi xem xét các uẩn hiện hữu một bản chất của sự hoại diệt và tụ hội bởi mỗi một khoảnh khắc trong dòng tương tục của ta nên có một quan kiến suy nghĩ tưởng vọng về cái ‘tôi’ và ‘của tôi’. Đó là cả hai chấp ngã và vô minh mê muội đối với chân thật tánh đó. Không chỉ vậy, đó còn là gốc rễ của hết thảy phiền não chẳng hạn, và cũng là gốc rễ của động cơ làm tích lũy nghiệp. ‘Biên kiến’ thì, chẳng hạn như ‘hoại tụ kiến’ làm cho hư cấu lên một sự thanh tịnh và thường hằng v.v... với những đối tượng nắm giữ đó nên chấp giữ chẳng hạn. ‘Tà kiến’ thì, chẳng hạn như quan điểm đoạn kiến cho rằng tiền hậu kiếp, nghiệp nhân quả, giải thoát v.v... là không có. Nói về ‘kiến thủ kiến’ thì, chẳng hạn có quan điểm tốt đẹp và tối thắng đối với những ác kiến như là tà kiến v.v... Gọi là ‘giới cấm thủ kiến’ thì, chẳng hạn như để năm ngọn lửa trên thân thể, tắm đi tắm lại thân thể ở một con sông lớn, thực hành tế lễ của heo và chó v.v... cho là con đường giải thoát, và không phải là giới luật tối thắng thì chấp giữ là tối thắng. ‘Nghi hoặc’ thì, chẳng hạn nghi ngờ mà suy nghĩ rằng Tứ Đế, Tam Bảo và giải thoát v.v... có hay không có, những điều đó có chân thật không vậy.

Điều chính yếu và gốc rễ của hết thảy những phiền não giống như thế là vô minh chấp ngã. Cho nên nếu có nó thì năng lực của nó làm xuất hiện các phiền não khác như là tham dục và sân hận v.v..., và nếu có phiền não thì sẽ có đến đủ loại nghiệp thiện và bất thiện làm cho luân chuyển trong vòng luân hồi bởi năng lực của phiền não đó. Nếu không có phiền não thì nghiệp của ba thân khẩu ý có là gì thì nó cũng không thể tạo nên sự sinh ra trong vòng luân hồi. Ví dụ, đã có nói rằng giống như lúa mạch khô mà cách ly ẩm ướt thì sẽ không nảy mầm. Vì vậy cho nên, phiền não đó là kẻ gây hại cho bản thân mình, đó là kẻ thù chính yếu. Nếu kẻ thù bên trong là phiền não thì kẻ thù bên ngoài có là bất kỳ cái gì đi nữa cũng không thể sánh bằng với kẻ thù thâm độc nhất đó. Thế gian có trời, người và a-tu-la v.v... hết thảy nổi lên như kẻ thù của ta, nếu tâm của ta không bị đưa đến dưới sức mạnh của phiền não thì họ chỉ gây hại cho cuộc đời này của ta, và nếu có xấu ác bao nhiêu đi nữa thì cũng chỉ có thể làm chia lìa thân thể và sinh mạng của đời này chứ không thể làm bất kỳ điều gì khác hơn. [Còn] kẻ thù bên trong là phiền não đó đặt bản thân ta vào bên trong của lửa địa ngục trong khoảng [thời gian] như là một kiếp v.v... rồi có thể mang lại đau khổ như là bị nấu luộc v.v... Vì vậy cho nên, hàng người theo đuổi mục đích giải thoát cần phải thận trọng làm bất kỳ điều gì có thể làm được để hàng phục kẻ thù bên trong đó.

Từ đó, nói về nguồn gốc của nghiệp thì, nghiệp làm động cơ thúc đẩy bởi phiền não đó cũng có hai được gọi là “tư duy nghiệp” và “ý lạc nghiệp”. Như thế nào lại gọi là “tư duy nghiệp”, là suy nghĩ liên tưởng đến làm như thế như thế với nghiệp của thân và khẩu đó, hiện hữu một nghiệp khuyến khích làm hành động

của thân và khẩu. Gọi là “ý lạc nghiệp” thì, tâm đó nó làm động cơ thúc đẩy hành động của ba thiện, bất thiện và vô ký ⁽¹⁾ của thân và khẩu, nên được gọi như thế. Bây giờ, đối với nghiệp đó bao gồm có ba: gọi là “phước đức nghiệp” chẳng hạn như nghiệp thiện của việc sinh vào thiện đạo ở cõi Dục giới, gọi là “phi phước đức nghiệp” chẳng hạn như nghiệp bất thiện của việc sinh vào ác đạo, và gọi là “bất động nghiệp” chẳng hạn như nghiệp được sinh vào chư thiên của Thượng giới (Sắc giới và Vô sắc giới). Tại sao đối với nghiệp của thiện hạnh ở Dục giới thì gọi là nghiệp của phước đức, và đối với những [nghiệp của] thiện hạnh ở Thượng giới đó gọi là [nghiệp của] bất động. Bởi vì dị thực quả của những thiện hạnh trong Dục giới thì, cũng là sự chín mùi trong cuộc sống của ác đạo cho nên chuyển động. Ví dụ, không giữ gìn giới luật của việc từ bỏ mười điều bất thiện làm cho sinh vào chẳng hạn như súc sanh, rồi ở trong ác đạo thức ăn uống, tài vật tiện nghi lớn hơn v.v... sẽ có đến do bởi những quả của thiện hạnh như là thực hành bố thí v.v... ở đời trước cho nên được gọi là chuyển động. Những nghiệp của thiện hạnh ở trong Thượng giới đó thì, sự chín mùi ở xứ sở khác và ở cuộc sống khác sẽ không chín mùi, mà chỉ chín mùi với ta trong cuộc sống bản địa, cho nên được gọi là bất động. (Phần này y vào thể tánh mà phân biệt tam nghiệp)

Lại nữa, đối với nghiệp cũng bao gồm có ba, được gọi là “thuận hiện pháp thụ nghiệp”, “thuận thứ sinh thụ nghiệp”, và “thuận hậu thụ nghiệp”. ‘Thuận hiện pháp thụ nghiệp’ (nghiệp trải nghiệm trong hiện tại) là, oai lực vô cùng to lớn của nghiệp thiện và bất thiện tạo ra dị thực quả là chín mùi ở cuộc đời này của ta. Ví dụ, chẳng hạn như quả của nghiệp tích lũy ở đầu đời (lúc còn trẻ) sẽ chín mùi ở cuối đời (lúc về già). Cũng thế, với nghiệp đó thì, vì oai lực vô cùng lớn hơn cho nên phần đầu của dị thực quả đã bắt đầu ở đời này và rồi toàn bộ quả sẽ chín mùi ở đời sau. ‘Thuận thứ sinh thụ nghiệp’ (nghiệp trải nghiệm vào lúc sinh) thì, oai lực nhỏ hơn một chút ít so với ‘thuận hiện pháp thụ nghiệp’, là nghiệp sẽ trở thành sự cảm thụ đối với quả chín mùi khi sinh ra ở đời sau. Cách gọi ‘thuận hậu thụ’ là, oai lực nhỏ hơn so với ‘thuận thứ sinh thụ nghiệp’, chẳng hạn như nghiệp sẽ trở thành sự cảm thụ từ sau của đời sau trở đi. Vì vậy cho nên, nói chung về nghiệp, từ trong những [nghiệp] đó nặng hoặc lớn mạnh hơn như thế nào thì sự chín mùi sẽ đến sớm hơn, và nếu nghiệp nặng nhẹ ngang bằng nhau thì thói quen với cái gì càng lớn hơn như thế nào thì sự chín mùi sẽ đến sớm hơn, cũng vậy bất kỳ cái nào được tạo ra trước thì cái đó sẽ chín mùi trước tiên. Lại nữa, có sự phân biệt đối với nghiệp cũng bao gồm có ba được gọi là “dẫn nghiệp”, “thành nghiệp” và “mãn nghiệp”. Nói về ‘dẫn nghiệp’ là nghiệp thiện hoặc bất thiện của người đặt đề đầu tiên chỉ là một chủng tử (hạt giống) của việc nhận lấy sự sinh ra ở bất kỳ một nơi nào trong lục đạo chúng sinh như người v.v... Đó thì được ví dụ tương tự như gieo trồng một hạt giống đầu tiên. Gọi là “thành nghiệp” thì, ‘dẫn nghiệp’ ở trước làm cho đã đặt đề chẳng hạn như chủng tử, năng lực đó trở nên cường thịnh rồi sinh ra quả, và nghiệp của người tạo ra đã thật sự hình thành. Đó thì cũng giống như sau khi trồng hạt giống thì năng lực của hạt giống ở trước như là nước và hơi ẩm v.v... ngày càng trở nên lớn mạnh nên làm cho chồi mầm thật sự nảy ra. ‘Mãn nghiệp’ là, nghiệp mà sau khi đã nhận lấy xong xuôi sự sinh ra trong ác đạo và thiện đạo là bất kỳ cái gì tùy thuộc vào hai dẫn [nghiệp] và thành nghiệp, thì ở trong đời này đủ loại quả của khổ lạc sẽ đến. Ví dụ, chẳng hạn như một con chó con được chúng ta thân thương và trân quý, rồi trông giữ, là dẫn bất thiện nghiệp làm cho [nó] sinh vào súc sanh ở trong ác đạo, nhưng cuộc đời của

nó được con người thân thương mà ban cho thức ăn ngon, rồi được trân quý giống như đứa con nhỏ của mình, và thân tâm ở trong trạng thái vui vẻ đi đến cuối cuộc đời đó là an lạc, cho nên nhân đưa đến điều đó là thiện nghiệp, những điều giống như thế thì được gọi là ‘mãn nghiệp’. Tương tự như thế, nhận lấy một sự sinh ra làm người trong thiện đạo, đây cũng là dẫn nghiệp làm cho xuất hiện sự sinh ra của anh ta, tuy nhiên trong khoảng cuộc đời làm người thì thân thể bị bệnh đau, và tài vật tiện nghi bị người khác tước đoạt, và trở thành chẳng hạn như một kẻ nô lệ thấp hèn lúc nào cũng bị người khác gây tổn thương, đủ loại đau khổ sẽ đến. Những điều đó là quả của bất thiện hạnh cho nên nhân làm cho xuất hiện những điều đó là nghiệp của bất thiện hạnh, những điều giống như thế thì được gọi là mãn nghiệp. Vì vậy cho nên, sự sinh ra trong vòng luân hồi bao gồm có bốn: [1] dẫn phát bởi dẫn thiện nghiệp và hoàn mãn bởi mãn bất thiện nghiệp, chẳng hạn như sinh làm người rồi ở trong trạng thái đau khổ đến hết cuộc đời, [2] dẫn phát bởi dẫn bất thiện nghiệp và hoàn mãn bởi mãn thiện nghiệp, chẳng hạn như con chó con trong súc sanh giống như thân tâm trong trạng thái an lạc đến hết cuộc đời, [3] dẫn phát bởi dẫn bất thiện nghiệp và hoàn mãn bởi mãn bất thiện nghiệp chẳng hạn như chúng sinh địa ngục, [4] dẫn phát bởi dẫn thiện nghiệp và hoàn mãn bởi mãn thiện nghiệp, chẳng hạn như chư thiên ở Thượng giới. (Phần này y vào thời gian mà phân biệt tam nghiệp)

Nói tóm lại, nếu không nhận biết thật tốt khiếm khuyết của vòng luân hồi bằng cách tư duy về tội báo của Khổ Đế thì sẽ không sinh khởi từ trong lòng một sức mạnh to lớn suy nghĩ mong muốn giải thoát từ vòng luân hồi, và mặc dù sinh khởi như thế nhưng nếu không hiểu biết hiện trạng luân chuyển trong vòng luân hồi bởi năng lực của Tập Đế - nghiệp và phiền não thì sẽ không thể nào biết cách đoạn trừ từ tận gốc nhân của vòng luân hồi. Cho nên kể từ khi là hàng người mong cầu giải thoát từ vòng luân hồi này thì phải sinh khởi một nỗi sầu bi chán nản và một tư duy thanh tịnh của việc xuất ly, bằng cách thực hành ba điều văn tự tu đối với nhân quả của hai Đế này (Khổ và Tập) khi quán chiếu vòng luân hồi, đó là điều vô cùng quan trọng. Tôn giả Tsongkhapa cũng đã thuyết giống như vậy trong chứng đạo ca của Ngài:

“Nếu không cố gắng tư duy tội nghiệp Khổ Đế,
Thì không sinh khởi như thật truy cầu giải thoát,
Nếu không tư duy thứ nhập⁽²⁾ luân hồi Tập Đế,
Thì không biết cách đoạn trừ tận gốc luân hồi,
Y tựa nỗi sầu buồn chán xuất ly khỏi thế,
Trần trọng hiểu biết điều gì cột trong luân hồi,
Tôi cũng đã từng thực hành du giả như thế,
Nguyện bạn mong cầu giải thoát cũng hành như vậy.”

(1) vô ký: không phân biệt được thiện hay bất thiện, không thiện cũng không bất thiện.

(2) thứ nhập: từng bước đi vào, tiến trình đi vào hoặc trở nên bị lôi kéo vào trong [luân hồi].

Nguyên tác Tạng ngữ từ “Lesson 17”, trong Giáo trình Phật Pháp “Lectures on Tibetan Religious Culture” của Geshe Lhundup Sopa, do Viện Văn Khố Tây Tạng LTWA (Library of Tibetan Works and Archives) phát hành. Người dịch: Ngawang Tsultrim Zangpo (Ngữ Lục Giới Hiền).